

Số: **1687**/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **26** tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định trình tự thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một liên thông đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách do UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư gắn với Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP, ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 119/TTr-SKH ngày 18 tháng 10 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định trình tự thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách do UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư gắn với Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.





Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện thủ tục hành chính này đúng quy trình, thời gian quy định; tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố sửa đổi, bổ sung khi có quy định mới.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh quy định trình tự thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách do UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư gắn với Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cục KS thủ tục HC- VPCP;
- CT, các Phó PCT UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, KTKH, NN, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Huy

TRÌNH TỰ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH DO UBND TỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ GẮN VỚI THẨM ĐỊNH NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT, ĐIỀU KIỆN GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1687/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

I. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Tên thủ tục hành chính	Trình tự thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông đối của các dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách do UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư gắn với Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.
1. Trình tự thực hiện liên thông:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính cho Trung tâm Hành chính công.</p> <p>- Địa chỉ: Số 01, đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;</p> <p>- Số điện thoại: 02613.838.838.</p> <p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyên hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>Bước 2: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thẩm tra thành phần hồ sơ, các nội dung chủ yếu trong hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp, hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện theo quy định thì thực hiện Bước 3.</p> <p>- Trường hợp, hồ sơ không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư trả lời bằng văn bản cho Trung tâm Hành chính công về việc bổ sung hồ sơ hoặc từ chối việc giải quyết hồ sơ và nêu rõ lý do theo quy định.</p> <p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc Trung tâm Hành chính công thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc gửi văn bản từ chối giải quyết và nêu rõ lý do theo quy định.</p> <p>Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày làm việc tiếp theo, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức khảo sát thực địa, kiểm tra các vấn đề liên quan đến nguồn gốc đất, hiện trạng đất đai, quy hoạch, tác động của dự án đến môi trường, năng lực của nhà đầu tư... theo quy định và lập Biên</p>

bản kiểm tra thực địa.

Bước 4: Thực hiện một trong hai trường hợp sau:

* Trường hợp Dự án phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức khảo sát thực địa, Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có thành viên tham gia khảo sát thực địa tại Bước 3 phải có văn bản cho ý kiến thẩm định gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp (theo Mẫu đính kèm Quyết định 820).

Trong thời hạn 03 ngày làm việc tiếp theo, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình UBND tỉnh.

* Trường hợp Dự án đầu tư mang lại hiệu quả, tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với quy định về điều kiện xây dựng chuyên ngành, nhưng chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi tổ chức khảo sát thực địa, UBND huyện, thị xã có Dự án: Có văn bản cho ý kiến thẩm định (theo Mẫu đính kèm Quyết định 820). Trong đó, nêu rõ đồng ý hay không đồng ý chủ trương đầu tư Dự án và có Tờ trình đề nghị điều chỉnh bổ sung cục bộ quy hoạch, kế hoạch gửi cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành để tham mưu UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, tổng hợp.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc tiếp theo, trên cơ sở đề nghị của UBND các huyện, thị xã có liên quan, cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành có văn bản cho ý kiến thẩm định (theo Mẫu đính kèm Quyết định 820), trong đó nêu rõ, đồng ý hay không đồng ý chủ trương đầu tư Dự án, bổ sung cục bộ quy hoạch, kế hoạch. Trường hợp đồng ý bổ sung quy hoạch, kế hoạch thì có tờ trình, dự thảo văn bản đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cục bộ quy hoạch, kế hoạch thuộc lĩnh vực đơn vị quản lý, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc tiếp theo, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Bước 5: Trong thời hạn 4 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh xem xét, quyết định:

- Quyết định điều chỉnh cục bộ quy hoạch, kế hoạch (thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh) hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh bổ sung cục bộ quy hoạch, kế hoạch. Trường hợp, không đồng ý điều chỉnh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hoặc không chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

Bước 6: Trong thời hạn 02 ngày làm việc tiếp theo, kể từ ngày UBND

	<p>tỉnh ban hành Quyết định chủ trương đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất cho thuê đất, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất và gửi kết quả cho Trung tâm Hành chính công để trả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Bước 7: Sau khi nhận được kết quả từ UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường, trong thời hạn 0,5 ngày làm việc Trung tâm Hành chính công có trách nhiệm thông báo kết quả cho cá nhân, tổ chức theo các hình thức: Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các phương tiện khác để tổ chức, cá nhân biết.</p> <p>* Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Hành chính công. - Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả). <p>* Đối với các dự án đầu tư thuộc các xã biên giới; các thôn, bon trọng điểm về an ninh chính trị; các dự án kinh tế – xã hội có tác động ảnh hưởng lớn đến môi trường, quốc phòng, an ninh, lịch sử văn hóa, xã hội và cảnh quan kiến trúc đô thị không phân biệt nguồn vốn, quy mô đầu tư quy mô tổng mức vốn đầu tư từ 50 tỷ đồng trở lên; các dự án nông lâm nghiệp sử dụng quỹ đất, rừng từ 200 ha trở lên, theo Quy chế của Tỉnh ủy phải xin ý kiến: Thời hạn xử lý được kéo dài thêm nhưng không quá 35 ngày làm việc.</p> <p>* Đối với các dự án điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch thuộc thẩm quyền cơ quan cấp trên của UBND tỉnh, thực hiện quyết định chủ trương đầu tư sau khi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đồng ý điều chỉnh bổ sung cục bộ quy hoạch, kế hoạch.</p>
<p>2. Cách thức thực hiện</p>	<p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công – Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông.</p> <p>Địa chỉ: Số 01, đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.</p>
<p>3. Thành phần hồ sơ:</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu 1 kèm theo. 2) Đơn xin đề nghị thẩm định nhu cầu sử dụng đất theo Mẫu 2 kèm theo. 3) Văn bản đề xuất dự án đầu tư theo Mẫu 3 kèm theo. 4) Đối với nhà đầu tư là cá nhân: Bản sao chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu. Đối với nhà đầu tư là tổ chức: Bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư

cách pháp lý.

5) Bản sao (bản sao được chụp từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc) một trong các tài liệu sau:

- Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư (đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động trên 2 năm);
- Văn bản cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ;
- Văn bản cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính;
- Văn bản bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư;
- Tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư (Các loại văn bản hợp pháp chứng minh năng lực huy động vốn để thực hiện dự án từ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân khác đối với số vốn còn lại hoặc Tài sản cố định hoặc các tài sản khác được xác định là tài sản hợp pháp của tổ chức, cá nhân...).

6) Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư.

7) Tùy thuộc vào từng dự án đầu tư cụ thể có thêm thành phần hồ sơ sau:

a) Nếu dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ thì có văn bản (theo Mẫu 4 đính kèm) giải trình các nội dung: Tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính.

b) Nếu dự án Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng BCC) thì kèm theo hợp đồng BCC, Hợp đồng BCC gồm có các nội dung chủ yếu sau:

- (1) Tên, địa chỉ, người đại diện có thẩm quyền của các bên tham gia hợp đồng; địa chỉ giao dịch hoặc địa chỉ nơi thực hiện dự án;
- (2) Mục tiêu và phạm vi hoạt động đầu tư kinh doanh;
- (3) Đóng góp của các bên tham gia hợp đồng và phân chia kết quả đầu tư kinh doanh giữa các bên;
- (4) Tiến độ và thời hạn thực hiện hợp đồng;
- (5) Quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng;
- (6) Sửa đổi, chuyển nhượng, chấm dứt hợp đồng;
- (7) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, phương thức giải quyết tranh

	chấp.
4. Số lượng hồ sơ:	07 (bốn) bộ.
5. Thời gian giải quyết:	<p>- Đối với dự án phù hợp với quy hoạch, kế hoạch tổng thời gian giải quyết: 21,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc, + Sở Kế hoạch và Đầu tư: 05 ngày làm việc, + Tổ Thẩm định: 07 ngày làm việc; + Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã Gia Nghĩa: 03 ngày làm việc. + UBND tỉnh: 04 ngày làm việc. + Sở Tài nguyên và Môi trường: 02 làm việc. <p>- Đối với dự án điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, tổng thời gian giải quyết: 24,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc, + Sở Kế hoạch và Đầu tư: 05 ngày làm việc, + Tổ Thẩm định: 07 ngày làm việc; + Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã Gia Nghĩa: 06 ngày làm việc. + UBND tỉnh: 04 ngày làm việc. + Sở Tài nguyên và Môi trường: 02 làm việc.
6. Đối tượng thực hiện TTHC:	<p>Tổ chức, cá nhân.</p> <p><i>Lưu ý:</i></p> <p>Trừ những dự thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh theo pháp luật về đầu tư công và các dự án quy định tại Điều 30 và Điều 31 của Luật Đầu tư, Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>(1) Dự án được nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua một trong các cách thức sau: (i) đấu giá quyền sử dụng đất, (ii) đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất hoặc (iii) nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Đối tượng này không bao gồm dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT phù hợp với quy hoạch.</p> <p>(2) Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất. Đối tượng này không bao gồm dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT phù hợp với quy hoạch.</p>

	(3) Dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.
7. Cơ quan thực hiện TTHC:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đắk Nông. - Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và Trung tâm hành chính công. - Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã Gia Nghĩa; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
8. Kết quả thực hiện TTHC:	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Văn bản thông báo từ chối quyết định chủ trương đầu tư. - Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.
9. Phí, lệ phí:	Không.
10. Mẫu đơn, mẫu tờ khai TTHC:	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu 1 đính kèm. - Đơn xin đề nghị thẩm định nhu cầu sử dụng đất theo Mẫu 2 đính kèm. - Văn bản Đề xuất dự án đầu tư theo Mẫu 3 đính kèm.
11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:	<p>* <i>Điều kiện 1:</i> Có năng lực tài chính để đảm bảo thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ cam kết; cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có vốn chủ sở hữu không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 héc ta; không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên; + Có khả năng huy động nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức tín dụng, các tổ chức, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư (nếu có). <p>* <i>Điều kiện 2:</i> Ký quỹ thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư.</p> <p>* <i>Điều kiện 3:</i> Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư khác xác định theo các căn cứ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kết quả xử lý vi phạm pháp luật về đất đai đối với các dự án tại địa phương, được lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường; + Nội dung công bố về tình trạng vi phạm pháp luật đất đai và kết quả xử lý vi phạm pháp luật đất đai trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Quản lý đất đai đối với các dự án thuộc địa phương khác.

II. TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN

Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh; các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn Thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông đối với Quyết định chủ trương đầu tư gắn với Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất của các dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách chịu trách nhiệm triển khai, thực hiện đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ, quy trình và thời gian thực hiện TTHC./.

Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân (Ghi thông theo giấy Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu)

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức: (ghi thông tin đúng theo giấy Chứng nhận ĐKKD hoặc Quyết định thành lập)

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VNĐ	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (*chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam*):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư (ghi thông tin đúng theo giấy Chứng nhận ĐKKD hoặc Quyết định thành lập), **gồm:**

Họ tên:Giới tính:

Chức danh:.....Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: /..... /..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất (nếu có)

II.THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:.....

3. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):.....

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (Đối với Nhà đầu tư là tổ chức Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Quyết định thành lập và đóng dấu; đối với Nhà đầu tư là cá nhân thì người ký là người đăng ký thực hiện dự án. Trường hợp người khác ký thay phải có Văn bản ủy quyền)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... thángnăm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH NHU CẦU SỬ ĐẤT/THẨM ĐỊNH ĐIỀU
KIỆN GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH
SỬ DỤNG ĐẤT**

Kính gửi: Sở/Phòng Tài nguyên và Môi trường ¹

1. Người xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất ²

.....

2. Địa chỉ/trụ sở chính:.....

3. Địa chỉ liên hệ:.....

.....

4. Địa điểm khu đất:.....

5. Diện tích (m²):.....

6. Đề sử dụng vào mục đích: ³

7. Thời hạn sử dụng:.....

8. Hình thức sử dụng đất⁴

9. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;

Các cam kết khác (nếu có).....

.....

Người làm đơn

(ký và ghi rõ họ

Đơn đề nghị thẩm định nhu cầu sử dụng đất/thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất¹(kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

¹ Ghi rõ: Sở Tài nguyên và Môi trường nếu người đề nghị là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cơ sở tôn giáo hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường nếu người đề nghị là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư

² Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...)

³ Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư

⁴ Ghi rõ: đề nghị được giao đất có thu tiền sử dụng đất/giao đất không thu tiền sử dụng đất/thuê đất trả tiền hàng năm/thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê

Văn bản Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ: (đối với Nhà đầu tư là cá nhân: Ghi thông tin theo giấy Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu; đối với Nhà đầu tư là tổ chức: ghi thông tin đúng theo giấy Chứng nhận ĐKKD hoặc Quyết định thành lập).

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.
- Tên ngành và mã ngành: ghi đúng theo hệ thống ngành kinh tế Việt Nam tại Quyết định số 10/2007QĐ-TTg, ngày 23/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):
- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, ...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư: (bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định: ... (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có);
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...;
- Chi phí xây dựng công trình;
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) **Vốn lưu động:**(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) **Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư**(ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....*

b) **Vốn huy động:** ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.

c) **Vốn khác:**

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được ghi cụ thể như trên

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):....

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

(nêu cụ thể các tác động của dự án đến môi trường không khí, nước... và cách kiểm soát các tác động này trong từng giai đoạn (giai đoạn đầu tư xây dựng dự án, giai đoạn dự án đi vào hoạt động....)

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;

- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh (Đối với Nhà đầu tư là tổ chức Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Quyết định thành lập và đóng dấu; đối với Nhà đầu tư là cá nhân thì người ký là người đăng ký thực hiện dự án. Trường hợp người khác ký thay phải có Văn bản ủy quyền)



Giải trình về công nghệ thực hiện dự án đầu tư
(Đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao)(Căn cứ Điểm e, Khoản 1, Điều 33 Luật Đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẢI TRÌNH VỀ CÔNG NGHỆ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng năm)

I. TÓM TẮT DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ

1. Tên dự án:

2. Vốn đầu tư: Tổng vốn đầu tư, trong đó vốn mua máy móc, thiết bị, công nghệ, bản quyền...

3. Thời hạn hoạt động của dự án:

- Số năm dự án hoạt động:

- Năm hoạt động của máy móc, thiết bị, công nghệ:

4. Tiến độ mua, lắp đặt vận hành chạy thử, đào tạo, huấn luyện sử dụng máy móc, thiết bị, công nghệ:

5. Nhu cầu về lao động (Nêu cụ thể số lượng, chất lượng lao động, trong đó nêu rõ nhu cầu số lượng, chất lượng lao động phù hợp với trình độ công nghệ đăng ký):

II. GIẢI TRÌNH VỀ SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ

1. Tên công nghệ:

2. Xuất xứ công nghệ:

3. Sơ đồ quy trình công nghệ:

4. Thông số kỹ thuật chính:

5. Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính:

6. Nêu rõ những khiếm khuyết (nếu có) và lý do chấp nhận của thiết bị, công nghệ được lựa chọn.

7. Kế hoạch đào tạo, chuyển giao, bảo hành.

(Khi thuyết minh về giải pháp lựa chọn kỹ thuật, công nghệ phải nêu rõ cơ sở xác định các tiêu chuẩn, quy chuẩn; số lượng giải pháp kỹ thuật công nghệ. Trong trường hợp có nhiều giải pháp kỹ thuật, công nghệ, nêu căn cứ lựa chọn giải pháp kỹ thuật, công nghệ đã được chọn).